



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN ĐẮK ĐÒA**

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2013	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2013	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2013	14 - 33

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Đoa là Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5900419811 ngày 05 tháng 7 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp.

Công ty đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 39 121 000 033 ngày 13 tháng 8 năm 2007 về việc thực hiện dự án đầu tư Thủy điện Đăk Đoa tại xã Đăk Sơ Mei và xã Đăk Rông, huyện Đăk Đoa, tỉnh Gia Lai.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi 3 lần, trong đó thay đổi lần thứ ba ngày 27 tháng 9 năm 2010 về việc thay đổi cổ đông góp vốn. Đồng thời, Công ty đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai cấp giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh 2 lần, trong đó lần điều chỉnh thứ hai ngày 30 tháng 12 năm 2010 về việc thay đổi diện tích đất sử dụng và tăng tổng vốn đầu tư lên 335.096.000.000 VND.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Cổ đông		
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	16.619.000.000	17,57
Công ty Cổ phần Cung ứng Nhân lực Quốc tế và Thương mại Sông Đà (SimCo)	27.331.000.000	28,89
Công ty Cổ phần Sông Đà 9.01	2.200.000.000	2,32
Công ty Cổ phần Sông Đà 10.1	2.703.000.000	2,86
Các cổ đông khác	45.747.000.000	48,36
Cộng	94.600.000.000	100

Vốn đầu tư của chủ sở hữu tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013 là: 83.065.900.000 VND

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 138 Tôn Đức Thắng, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai
 Điện thoại : 059 386 6473
 Fax : 059 386 6472
 E-mail : Tvxdsongda@yahoo.com
 Mã số thuế : 5900419811

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Đầu tư các công trình thủy điện, nhiệt điện, các khu đô thị, khu công nghiệp;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Xây dựng nhà các loại, công trình đường bộ, công trình công ích, công trình thủy lợi, thủy điện và các công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện, cấp thoát nước, lò sưởi, điều hòa không khí;
- Thiết kế công trình thủy lợi, thủy điện, công trình đường bộ, công trình ngầm và mỏ; thiết kế công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp; thiết kế kết cấu đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị; thiết kế cấp điện đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị, công trình điện năng; thiết kế cơ - điện công trình; thiết kế kiến trúc, thiết kế qui hoạch, nội thất công trình, hạ tầng kỹ thuật;

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮK ĐÒA

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Khảo sát xây dựng; Giám sát thi công công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật công trình thủy điện;
- Lập quy hoạch tổng thể và quy hoạch chi tiết các công trình dân dụng, công nghiệp và công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị đến nhóm A;
- Lập dự án đầu tư, thẩm định dự án đầu tư các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị đến nhóm A;
- Tư vấn quản lý dự án, tư vấn lập, thẩm định, đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ mời thầu xây lắp, hồ sơ mời thầu thiết bị các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị đến nhóm A;
- Sản xuất và mua bán vật liệu xây dựng;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng; Trồng cây cao su, cây cà phê./.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 7 đến trang 33).

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2013 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Chu Minh Tuấn	Chủ tịch	18 tháng 8 năm 2012	
Ông Phạm Văn Hùng	Thành viên	17 tháng 8 năm 2012	
Bà Đặng Thị Thường	Thành viên	17 tháng 8 năm 2012	
Ông Lê Tiến Dũng	Thành viên	17 tháng 8 năm 2012	
Ông Bùi Khắc Hiếu	Thành viên	17 tháng 8 năm 2012	01 tháng 4 năm 2013
Ông Nguyễn Đại Thụ	Thành viên	25 tháng 4 năm 2013	

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Lê Minh Quyết	Trưởng Ban	17 tháng 8 năm 2012	08 tháng 7 năm 2013
Bà Bùi Thị Kim Khánh	Trưởng ban	08 tháng 7 năm 2013	
Ông Đỗ Xuân Luật	Thành viên	17 tháng 8 năm 2012	
Bà Bùi Thị Thanh Thủy	Thành viên	17 tháng 8 năm 2012	25 tháng 4 năm 2013
Ông Đặng Văn Tuyển	Thành viên	25 tháng 4 năm 2013	

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Phạm Văn Hùng	Tổng Giám đốc	05 tháng 7 năm 2012	
Ông Bùi Khắc Hiếu	Phó Tổng Giám đốc	15 tháng 5 năm 2008	01 tháng 4 năm 2013
Ông Trần Văn Trường	Phó Tổng Giám đốc	03 tháng 4 năm 2013	

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮK ĐOÀ

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc Đoa tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc,

Trưởng Giám đốc



Phạm Văn Hùng

Ngày 31 tháng 3 năm 2014



Số: 251/2014/BCTC-KTTV-KT3

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮK ĐÒA**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Đoa, được lập ngày 31 tháng 3 năm 2014, từ trang 7 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Một số khoản công nợ ứng trước cho người bán (xem thuyết minh V.3) và công nợ phải trả người bán (xem thuyết minh V.13) chưa được đối chiếu xác nhận với các đối tượng có liên quan. Việc mở rộng thủ tục kiểm toán một cách đầy đủ nhằm đảm bảo cho tính đúng đắn của các khoản công nợ trên tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là không thể thực hiện được.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Đoa tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến thuyết minh số V.9 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính về công trình Nhà máy Thủy điện Đăk Đoa. Đến 31 tháng 12 năm 2013 giá trị đã tạm tăng của công trình là 301.662.219.279 VND, khấu hao lũy kế là 43.029.281.433 VND (thời gian khấu hao đối với nhà cửa, vật kiến trúc là 30 năm, máy móc thiết bị là 15 năm). Đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này giá trị công trình vẫn chưa được phê duyệt.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Thị Tư - Phó Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0059-2013-008-01
Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2014

Lê Văn Khoa – Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1794-2013-008-01

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮK ĐÒA

Địa chỉ: Số 138 đường Tôn Đức Thắng, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		9.023.840.874	11.984.992.055
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	2.398.595.700	3.971.150.149
1. Tiền	111		2.398.595.700	3.971.150.149
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		6.337.916.967	7.422.554.050
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	5.678.173.870	5.582.945.780
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	586.178.724	1.341.703.894
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	73.564.373	497.904.376
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		88.953.255	92.368.111
1. Hàng tồn kho	141	V.5	88.953.255	92.368.111
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		198.374.952	498.919.745
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6	63.560.586	21.852.486
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.7	134.814.366	477.067.259

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮK ĐÒA

Địa chỉ: Số 138 đường Tôn Đức Thắng, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		263.036.200.507	276.620.522.315
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.296.000.000	2.870.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.8	2.296.000.000	2.870.000.000
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		260.491.619.998	273.599.698.383
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	260.040.047.544	273.390.198.383
<i>Nguyên giá</i>	222		304.012.191.903	303.148.621.103
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(43.972.144.359)	(29.758.422.720)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.10	451.572.454	209.500.000
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		248.580.509	150.823.932
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	248.580.509	150.823.932
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		272.060.041.381	288.605.514.370

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮK ĐÒA

Địa chỉ: Số 138 đường Tôn Đức Thắng, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		183.399.802.542	201.725.354.519
I. Nợ ngắn hạn	310		69.322.678.634	87.638.221.503
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.12	25.676.484.645	50.708.770.774
2. Phải trả người bán	312	V.13	12.018.674.358	9.639.615.301
3. Người mua trả tiền trước	313	V.14	7.931.621.588	7.023.000.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.15	3.565.881.766	981.780.408
5. Phải trả người lao động	315		1.152.634.651	1.602.089.476
6. Chi phí phải trả	316	V.16	9.668.716.067	14.778.267.463
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.17	9.213.428.559	2.904.698.081
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.18	95.237.000	-
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		114.077.123.908	114.087.133.016
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.19	230.914.892	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	113.846.209.016	114.087.133.016
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		88.660.238.839	86.880.159.851
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.21	88.660.238.839	86.880.159.851
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		83.065.900.000	83.065.900.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		572.138.978	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		5.022.199.861	3.814.259.851
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		272.060.041.381	288.605.514.370

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮK ĐÒA

Địa chỉ: Số 138 đường Tôn Đức Thắng, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm		Số đầu năm	
1. Tài sản thuê ngoài		-	-	-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-	-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-	-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-	-	-
5. Ngoại tệ các loại:		-	-	-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-	-	-

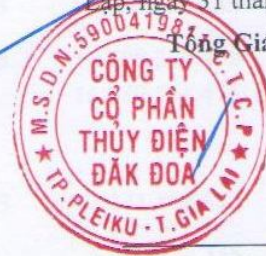
Người lập biểu

Nguyễn Thị Lệ Thanh

Kế toán trưởng

Trần Mạnh Đăng

Lập, ngày 31 tháng 3 năm 2014



Tổng Giám đốc

Phạm Văn Hùng

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮK ĐÒA

Địa chỉ: Số 138 đường Tôn Đức Thắng, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

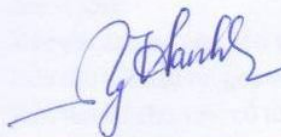
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	45.896.207.607	49.401.053.950
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	45.896.207.607	49.401.053.950
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	21.589.265.144	21.019.107.146
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		24.306.942.463	28.381.946.804
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	34.383.185	170.735.450
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	16.108.270.458	20.117.199.844
Trong đó: chi phí lãi vay	23		16.070.564.475	20.089.654.274
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	3.141.878.855	3.064.059.656
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5.091.176.335	5.371.422.754
11. Thu nhập khác	31	VI.6	64.861.828	181.118.621
12. Chi phí khác	32	VI.7	125.431.210	200.182.188
13. Lợi nhuận khác	40		(60.569.382)	(19.063.567)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.030.606.953	5.352.359.187
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	12.073.285	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>5.018.533.668</u>	<u>5.352.359.187</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	<u>604</u>	<u>645</u>

Lập, ngày 31 tháng 3 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

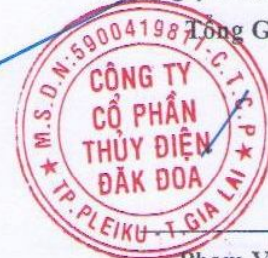
Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Lệ Thanh



Trần Mạnh Đăng



Phạm Văn Hùng

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮK ĐÒA

Địa chỉ: Số 138 đường Tôn Đức Thắng, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Đơn vị tính: VND	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	5.030.606.953	5.352.359.187
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	14.410.127.213	14.344.048.624
- Các khoản dự phòng	03	-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	-	(9.974.445)
- Chi phí lãi vay	06	16.070.564.475	20.089.654.274
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	35.511.298.641	39.776.087.640
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	15.049.205.670	1.743.304.231
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	3.414.856	-
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(5.568.719.820)	(7.469.599.825)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(95.812.415)	261.467.404
- Tiền lãi vay đã trả	13	(14.778.013.170)	(11.994.682.271)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(651.220.680)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	29.470.153.082	22.316.577.179
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(3.223.647.527)	(12.023.780.584)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	-	9.974.445
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(3.223.647.527)	(12.013.806.139)

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮK ĐÒA

Địa chỉ: Số 138 đường Tôn Đức Thắng, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay		Năm trước	
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính					
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	-		125.000.000	
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-		-	
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	443.863.996		15.000.000.000	
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(28.262.924.000)		(34.076.558.034)	
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-		-	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-		-	
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>(27.819.060.004)</i>		<i>(18.951.558.034)</i>	
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>	<i>50</i>	<i>(1.572.554.449)</i>		<i>(8.648.786.994)</i>	
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	3.971.150.149	12.619.937.143	
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-	
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	<u>2.398.595.700</u>	<u>3.971.150.149</u>	

Lập ngày 31 tháng 3 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Lệ Thanh

Trần Mạnh Đăng

Phạm Văn Hùng

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮK ĐÒA

Địa chỉ: Số 138 Tôn Đức Thắng, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất
- Ngành nghề kinh doanh** : Đầu tư các công trình thủy điện, nhiệt điện; sản xuất, truyền tải và phân phối điện; xây dựng nhà các loại, công trình đường bộ, công trình công ích và các công trình kỹ thuật dân dụng khác; khảo sát, thiết kế, xây dựng các công trình thủy lợi, thủy điện, công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị; sản xuất và mua bán vật liệu xây dựng; khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón; trồng rừng và chăm sóc rừng./.
- Nhân viên**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 Công ty có 36 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 39 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
- Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.
- Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮK ĐÒA

Địa chỉ: Số 138 Tôn Đức Thắng, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Đối với các tài sản cố định hình thành từ việc đầu tư xây dựng nhà máy thủy điện Đăk Đoa: Nguyên giá tài sản cố định được tạm tính theo chi phí đã đầu tư. Nguyên giá của các tài sản cố định này sẽ được điều chỉnh khi quyết toán dự án đầu tư xây dựng nhà máy được phê duyệt.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮK ĐOÀ

Địa chỉ: Số 138 Tôn Đức Thắng, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	30
Máy móc và thiết bị	15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5-10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5

6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

8. Chi phí trả trước dài hạn

Chênh lệch tỷ giá trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản

Khi kết thúc quá trình đầu tư xây dựng, toàn bộ chênh lệch tỷ giá hối đoái thực tế phát sinh trong giai đoạn đầu tư xây dựng (lỗ hoặc lãi tỷ giá hối đoái) không tính vào trị giá TSCĐ mà phân bổ trong thời gian 5 năm.

Công cụ dụng cụ, chi phí sửa chữa máy móc thiết bị

Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng, chi phí sửa chữa máy móc thiết bị được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

9. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

10. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

11. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

12. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮK ĐÒA

Địa chỉ: Số 138 Tôn Đức Thắng, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

13. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Riêng trong giai đoạn đầu tư xây dựng để hình thành tài sản cố định trước khi Công ty đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh (giai đoạn trước hoạt động), chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ để thực hiện đầu tư xây dựng và chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được phân ánh lũy kế trên Bảng cân đối kế toán (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái). Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái này được phân bổ dần vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính với thời gian không quá 5 năm kể từ khi công trình đưa vào hoạt động.

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮK ĐÒA

Địa chỉ: Số 138 Tôn Đức Thắng, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm: tiền, các khoản phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

16. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

17. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1

002
ANH
TY
HỮU H
À TỬ V
C
NỘI
TP

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮK ĐÒA

Địa chỉ: Số 138 Tôn Đức Thắng, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	182.691.959	634.603.117
Tiền gửi ngân hàng	2.215.903.741	3.336.547.032
Cộng	<u>2.398.595.700</u>	<u>3.971.150.149</u>

2. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Sông Đà 505		472.747.876
Công ty Cổ phần Quốc Cường	34.000.000	34.000.000
Ban Quản Lý xã Đăk Sơ Mei	980.000	980.000
Công ty Cổ phần Sông Đà Tây Nguyên		10.220.153
Tổng công ty Điện lực Miền Trung	5.639.233.870	5.061.037.751
Công ty Cổ phần Phương Nam	3.960.000	3.960.000
Cộng	<u>5.678.173.870</u>	<u>5.582.945.780</u>

3. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Doanh nghiệp tư nhân Tân Thái		601.465.468
Công ty Cổ phần máy và thiết bị hàn cắt Quang Trung VINASHIN	336.111.664	336.111.664
Công ty TNHH Cơ khí Nam Việt	161.028.560	161.028.560
Trung tâm điều độ hệ thống điện Miền Trung		141.374.000
Trả trước các nhà cung cấp khác	89.038.500	101.724.202
Cộng	<u>586.178.724</u>	<u>1.341.703.894</u>

4. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp phải thu người lao động	27.550.651	87.131.831
Thuế thu nhập cá nhân phải thu người lao động		21.073.777
Công ty Tư vấn Sông Đà		42.041.088
Công ty Cổ phần Sông Đà Tây Nguyên	10.220.153	
Các khoản phải thu khác	35.793.569	347.657.680
Cộng	<u>73.564.373</u>	<u>497.904.376</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮK ĐÒA

Địa chỉ: Số 138 Tôn Đức Thắng, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Hàng tồn kho**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	85.368.255	
Công cụ, dụng cụ	3.585.000	
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang		92.368.111
Cộng	<u>88.953.255</u>	<u>92.368.111</u>

6. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ dụng cụ		21.852.486
Bảo hiểm nhà máy, máy móc thiết bị	56.907.041	
Sửa chữa xe máy, thiết bị	5.654.515	
Phí đăng kiểm và phí đường bộ	999.030	
Cộng	<u>63.560.586</u>	<u>21.852.486</u>

7. Tài sản ngắn hạn khác

Là khoản tạm ứng cho cán bộ, công nhân viên.

8. Phải thu dài hạn khác

Là khoản tiền góp vốn với Tổng Công ty Điện lực miền Trung để xây dựng đường dây 110KV Pleiku - Kon Tum. Khoản này được trả dần trong 10 năm.

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	175.837.467.134	125.824.752.145	1.164.737.640	321.664.184	303.148.621.103
Mua sắm mới		1.103.628.636			1.103.628.636
Giảm tài sản theo TT45/TT-BTC				(240.057.836)	(240.057.836)
Số cuối năm	<u>175.837.467.134</u>	<u>126.928.380.781</u>	<u>1.164.737.640</u>	<u>81.606.348</u>	<u>304.012.191.903</u>
<i>Trong đó: Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>			385.059.683	81.606.348	466.666.031
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	14.878.096.608	13.901.619.105	709.925.525	268.781.482	29.758.422.720
Khấu hao trong năm	5.861.248.908	8.461.680.060	77.967.805	9.230.440	14.410.127.213
Giảm tài sản theo TT45/TT-BTC				(196.405.574)	(196.405.574)
Số cuối năm	<u>20.739.345.516</u>	<u>22.363.299.165</u>	<u>787.893.330</u>	<u>81.606.348</u>	<u>43.972.144.359</u>
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	<u>160.959.370.526</u>	<u>111.923.133.040</u>	<u>454.812.115</u>	<u>52.882.702</u>	<u>273.390.198.383</u>
Số cuối năm	<u>155.098.121.618</u>	<u>104.565.081.616</u>	<u>376.844.310</u>	<u>81.606.348</u>	<u>260.040.047.544</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮK ĐOÀ

Địa chỉ: Số 138 Tôn Đức Thắng, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 302.441.897.236 VND và 259.035.771.493 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Là chi phí xây dựng nhà máy thủy điện Đăk Đoa:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	209.500.000	72.633.636.232
Chi phí phát sinh trong năm	451.572.454	22.807.225.544
Kết chuyển tăng TSCĐ trong năm		(95.231.361.776)
Kết chuyển giảm khác	(209.500.000)	
Số cuối năm	<u>451.572.454</u>	<u>209.500.000</u>

11. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Phân bổ vào chi phí trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Chênh lệch tỷ giá giai đoạn đầu tư	150.823.932		37.705.983	113.117.949
Công cụ dụng cụ		87.604.807	29.263.459	58.341.348
Chi phí sửa chữa		37.120.000	5.453.333	31.666.667
Chi phí trả trước khác		45.454.545		45.454.545
Cộng	<u>150.823.932</u>	<u>170.179.352</u>	<u>72.422.775</u>	<u>248.580.509</u>

12. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	443.863.996	400.000.000
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai</i>	443.863.996	400.000.000
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	8.184.620.649	18.038.770.774
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng công trình ngầm Trung Việt</i>	1.497.330.080	1.803.080.907
<i>Công ty Cổ phần SIMCO Sông Đà</i>	2.598.203.933	8.877.296.132
<i>Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà</i>	1.296.255.544	3.160.880.992
<i>Ông Nguyễn Văn Vũ</i>	347.937.708	1.055.115.003
<i>Ông Nguyễn Văn Việt</i>	2.444.893.384	3.142.397.740
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.20)	17.048.000.000	32.270.000.000
Cộng	<u>25.676.484.645</u>	<u>50.708.770.774</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮK ĐÒA

Địa chỉ: Số 138 Tôn Đức Thắng, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:**

	Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân			Cộng
	Vay ngắn hạn ngân hàng	khác	Vay dài hạn đến hạn trả	
Số đầu năm	400.000.000	18.038.770.774	32.270.000.000	50.708.770.774
Số tiền vay phát sinh trong năm	443.863.996			443.863.996
Lãi vay nhập gốc		2.545.849.875		2.545.849.875
Số tiền vay đã trả trong năm	(400.000.000)	(12.400.000.000)	(14.894.000.000)	(27.694.000.000)
Phân loại lại khoản vay			(328.000.000)	(328.000.000)
Số cuối năm	443.863.996	8.184.620.649	17.048.000.000	25.676.484.645

13. Phải trả người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà	686.261.012	686.261.012
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	61.619.581 (*)	109.660.669
Doanh nghiệp tư nhân Thiện Mỹ	124.923.990	283.152.341
Công ty Cổ phần Bảo Minh Gia Lai	734.578.000 (*)	734.578.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 4 (Xí nghiệp 4.08)	450.385.513 (*)	450.385.513
Công ty Cổ phần Sông Đà 505	1.688.607.990 (*)	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thành An	708.782.605	708.782.605
Công ty Cổ phần đầu tư và Xây dựng công trình ngầm Việt Nam	2.039.652.300	2.039.652.300
Doanh nghiệp tư nhân Tân Thái	758.778.082 (*)	
Công ty Cổ phần cơ khí và lắp máy Đại Hân	618.966.210 (*)	618.966.210
Xí nghiệp Xây lắp điện và xây dựng Minh Chiến	134.105.402	134.105.402
Công ty TNHH Một thành viên Tư vấn Xây dựng điện 3 Đà Nẵng	120.466.299 (*)	120.466.299
Công ty TNHH Một thành viên cơ khí Quang Trung	1.519.205.074 (*)	1.519.205.074
Trung tâm điều độ hệ thống điện Miền Trung	60.589.370	
Công ty thí nghiệm điện Miền Trung	35.325.000 (*)	
Công ty lưới điện cao thế Miền Trung	228.112.843 (*)	363.209.843
Công ty Cổ phần Đầu tư kỹ thuật điện	60.017.000	160.017.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Sông Đà	673.623.116 (*)	91.337.304
Công ty TNHH Hán Long Hồ Nam	1.229.681.471	1.439.181.471
Chi nhánh Giám định Vinacontrol	36.900.000 (*)	66.900.000
Các nhà cung cấp khác	48.093.500	113.754.258
Cộng	12.018.674.358	9.639.615.301
Trong đó: (*) Đã có đối chiếu, xác nhận	6.926.567.708	
Chưa có đối chiếu, xác nhận	5.092.106.650	

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮK ĐOÀ

Địa chỉ: Số 138 Tôn Đức Thắng, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Gia Lâm	131.621.588	223.000.000
Công ty Cổ phần Sông Đà Tây Nguyên	7.800.000.000	6.800.000.000
Cộng	7.931.621.588	7.023.000.000

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	809.255.310	3.452.216.574	2.477.224.351	1.784.247.533
Thuế thu nhập doanh nghiệp		12.073.285		12.073.285
Thuế thu nhập cá nhân		2.364.967	1.390.378	974.589
Thuế tài nguyên	172.525.098	1.320.120.637	465.004.453	1.027.641.282
Thuế nhà đất, tiền thuê đất		48.632.629	48.632.629	
Các loại thuế khác		3.000.000	3.000.000	
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		900.332.197	159.387.120	740.945.077
Cộng	981.780.408	4.835.408.092	2.992.251.811	3.565.881.766

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 39 121 000 033 ngày 13 tháng 8 năm 2007 do Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai cấp:

- Công ty được miễn thuế 04 năm kể từ ngày có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 09 năm tiếp theo.
- Dự án thủy Điện Đăk Đoa được hưởng mức thuế suất 10% áp dụng trong 15 năm kể từ khi dự án đầu tư bắt đầu hoạt động kinh doanh.

Năm 2013 là năm thứ 3 Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp từ dự án thủy điện.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮK ĐÒA

Địa chỉ: Số 138 Tôn Đức Thắng, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.030.606.953	5.352.359.187
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	(507.822.733)	862.199.516
- Các khoản điều chỉnh tăng	271.891.298	
<i>Các khoản tiền phạt</i>	113.296.449	602.006.765
<i>Thù lao HĐQT không trực tiếp điều hành</i>	121.600.000	150.000.000
<i>Chi phí không hợp lệ</i>		110.192.751
<i>Lãi vay cá nhân vượt 150% lãi suất cơ bản</i>	36.994.849	
- Các khoản điều chỉnh giảm	(779.714.031)	
<i>Thu nhập từ giảm phát thải</i>	(779.714.031)	
Thu nhập chịu thuế	4.522.784.220	6.214.558.703
Thu nhập tính thuế	4.522.784.220	6.214.558.703
<i>Thu nhập từ dự án thủy điện Đăk Đoa</i>	4.474.491.080	
<i>Thu nhập hoạt động khác</i>	48.293.140	
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp		
<i>Dự án thủy điện</i>	10%	10%
<i>Thu nhập khác</i>	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	459.522.393	1.553.639.676
<i>Dự án thủy điện</i>	447.449.108	
<i>Thu nhập khác</i>	12.073.285	
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn	(447.449.108)	(1.553.639.676)
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	12.073.285	

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước thiên nhiên phục vụ hoạt động thủy điện với mức thuế suất 2%.

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất đối với diện tích 3.500 m² đất đang sử dụng với mức 49.000.000 VND/năm.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

16. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay	47.765.177	3.979.277.049
Chi phí xây dựng nhà máy	8.959.496.344	10.798.990.414
Chi phí sửa chữa lớn nhà máy	602.000.000	
Chi phí tiền tàu xe nghỉ phép	59.454.546	
Cộng	9.668.716.067	14.778.267.463

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮK ĐOÀ

Địa chỉ: Số 138 Tôn Đức Thắng, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	11.304.044	14.638
Bảo hiểm xã hội	157.781.212	
Bảo hiểm y tế	10.213.925	
Bảo hiểm thất nghiệp	4.539.516	229.016
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	2.491.997.000	
Lãi vay phải trả - Ngân hàng Phát triển Việt Nam Chi nhánh Gia Lai	2.678.213.302	
Bà Trần Thị Bích Liên – Tiền mua cổ phần (*)	3.500.000.000	
Công ty Cổ phần Sông Đà 505		2.600.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	50.965.423	
Thù lao HĐQT, BKS	307.200.000	304.000.000
Các khoản phải trả khác	1.214.137	454.427
Cộng	<u>9.213.428.559</u>	<u>2.904.698.081</u>

(*) Là khoản phải trả theo thỏa thuận góp vốn mua cổ phần Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Đoa, tuy nhiên thỏa thuận không được tiếp tục thực hiện nên Công ty phải trả lại phần tiền góp vốn đã nhận trong năm.

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong năm (*)</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng		200.000.000	178.500.000	21.500.000
Quỹ phúc lợi		546.457.680	472.720.680	73.737.000
Cộng		<u>746.457.680</u>	<u>651.220.680</u>	<u>95.237.000</u>

(*) Trong đó chi Quỹ phúc lợi như sau:

	<u>Số chi quỹ</u>
Chi của năm nay	125.063.000
Chi của các năm trước	347.657.680
Cộng	<u>472.720.680</u>

19. Phải trả dài hạn khác

Là khoản phải trả về hợp tác sử dụng đường dây 22Kv cấp điện thi công từ ngã ba Đe Gôh đến nhà máy thủy điện Đăk Đoa.

20. Vay và nợ dài hạn

Là khoản vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai để thực hiện dự án đầu tư xây dựng Thủy điện Đăk Đoa với lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân và tại thời điểm sửa đổi, bổ sung hợp đồng theo quy định của Ngân hàng Phát triển Việt Nam. Thời gian vay vốn 138 tháng từ tháng 01 năm 2008 đến hết tháng 6 năm 2019, thời gian ân hạn 24 tháng từ tháng 01 năm 2008 đến hết tháng 12 năm 2009, thời gian trả nợ gốc 96 tháng từ tháng 01 năm 2010 đến hết tháng 6 năm 2019. Khoản vay này được đảm bảo bằng những tài sản hình thành trong tương lai từ vốn vay và vốn tự có.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮK ĐÒA

Địa chỉ: Số 138 Tôn Đức Thắng, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Kỳ hạn thanh toán vay**

	Năm nay	Năm trước
Từ 1 năm trở xuống (xem thuyết minh V.12)	17.048.000.000	32.270.000.000
Trên 1 năm đến 5 năm	101.184.000.000	114.087.133.016
Trên 5 năm	12.662.209.016	
Cộng	130.894.209.016	146.357.133.016

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	114.087.133.016	135.599.133.016
Số tiền vay phát sinh		7.000.000.000
Phân loại lại khoản vay	328.000.000	
Số tiền vay đã trả	(568.924.000)	
Kết chuyển sang nợ dài hạn đến hạn trả		(28.512.000.000)
Số cuối năm	113.846.209.016	114.087.133.016

21. Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	94.600.000.000	(188.529.915)		(1.538.099.336)	92.873.370.749
Cổ đông góp vốn	267.150.000				267.150.000
Trong đó góp vốn bằng tiền	125.000.000				125.000.000
Vốn điều lệ góp thiếu	(11.801.250.000)				(11.801.250.000)
Lợi nhuận trong năm trước				5.352.359.187	5.352.359.187
Chênh lệch tỷ giá hối đoái giai đoạn XD CB		188.529.915			188.529.915
Số dư cuối năm trước	83.065.900.000			3.814.259.851	86.880.159.851
Số dư đầu năm nay	83.065.900.000			3.814.259.851	86.880.159.851
Lợi nhuận trong năm nay				5.018.533.668	5.018.533.668
Trích lập các quỹ trong năm nay			572.138.978	(1.318.596.658)	(746.457.680)
Chia cổ tức năm trước				(2.491.997.000)	(2.491.997.000)
Số dư cuối năm nay	83.065.900.000		572.138.978	5.022.199.861	88.660.238.839

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán điện thương phẩm	45.101.314.782	49.401.053.950
Doanh thu tiền giảm phát thải	794.892.825	
Doanh thu thuần	45.896.207.607	49.401.053.950

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮK ĐÒA

Địa chỉ: Số 138 Tôn Đức Thắng, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của điện thương phẩm đã cung cấp ⁽ⁱ⁾	21.574.086.350	21.019.107.146
Giá vốn tiền giảm phát thải	15.178.794	
Cộng	21.589.265.144	21.019.107.146

(i) Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp như sau:

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	193.884.058	2.237.835.595
Chi nhân công trực tiếp	2.804.965.559	2.255.125.873
Chi phí sản xuất chung	18.574.247.034	16.526.145.678
Tổng chi phí sản xuất	21.573.096.651	21.019.107.146
Chênh lệch chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	989.699	
Giá vốn của điện thương phẩm đã cung cấp	21.574.086.350	21.019.107.146

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn		9.974.445
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	34.383.185	160.761.005
Cộng	34.383.185	170.735.450

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	16.070.564.475	20.089.654.274
Lỗ chênh lệch tỷ giá trong giai đoạn XDCB	37.705.983	14.021.186
Chi phí tài chính khác		13.524.384
Cộng	16.108.270.458	20.117.199.844

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	1.588.015.663	1.437.987.882
Chi phí vật liệu quản lý	30.593.134	69.090.000
Chi phí đồ dùng văn phòng	39.826.677	18.467.723
Chi phí khấu hao TSCĐ	81.795.078	83.290.533
Thuế, phí và lệ phí	40.577.124	190.373.888
Chi phí dịch vụ mua ngoài	274.486.613	198.279.233
Chi phí bằng tiền khác	1.086.584.566	1.066.570.397
Cộng	3.141.878.855	3.064.059.656

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮK ĐÒA

Địa chỉ: Số 138 Tôn Đức Thắng, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**6. Thu nhập khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền điện thi công	5.551.560	147.936.225
Tiền hoàn thuế GTGT		30.036.722
Công nợ không phải trả	34.290	3.145.674
Thu tiền cho thuê đất	43.611.374	
Tiền thu đền bù	13.695.652	
Bán hồ sơ thầu	1.968.952	
Cộng	<u>64.861.828</u>	<u>181.118.621</u>

7. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Phạt chậm nộp bảo hiểm	9.728.572	
Phạt chậm nộp thuế	113.296.449	
Các khoản tiền phạt		85.750
Thuế GTGT không được khấu trừ		192.427.466
Chi phí khác	2.406.189	7.668.972
Cộng	<u>125.431.210</u>	<u>200.182.188</u>

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.018.533.668	5.352.359.187
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	5.018.533.668	5.352.359.187
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	8.306.590	8.295.591
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>604</u>	<u>645</u>

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	224.477.192	2.306.925.595
Chi phí nhân công	4.408.804.748	3.693.113.755
Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.358.289.175	14.344.048.624
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.170.495.114	1.471.750.789
Chi phí khác	3.552.909.277	2.267.328.039
Cộng	<u>24.714.975.506</u>	<u>24.083.166.802</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮK ĐÒA

Địa chỉ: Số 138 Tôn Đức Thắng, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giảm vốn điều lệ tương ứng với số phải thu về góp vốn		11.801.250.000
Bù trừ nợ vay với tiền góp vốn của cổ đông là Cán bộ nhân viên Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà		142.150.000
Bù trừ nợ vay với công nợ phải thu		47.145.015
Lãi vay nhập gốc	2.545.849.875	6.702.954.952
Cộng	2.545.849.875	18.693.499.967

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	310.705.920	434.842.777
Thù lao	172.800.000	149.000.000
Cộng	483.505.920	583.842.777

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	Thành viên góp vốn
Công ty Cổ phần Simco Sông Đà	Thành viên góp vốn
Công ty Cổ phần Sông Đà 9.01	Thành viên góp vốn
Công ty Cổ phần Sông Đà 10.1	Thành viên góp vốn

Các giao dịch phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà</i>		
Chi phí lãi vay		640.947.659
Bù trừ nợ vay với tiền góp vốn của cổ đông		142.150.000
Bù trừ công nợ	48.041.088	
Lãi vay nhập gốc	135.374.552	1.303.030.992
Trả gốc vay	2.000.000.000	

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮK ĐÒA

Địa chỉ: Số 138 Tôn Đức Thắng, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Công ty Cổ phần Simco Sông Đà</i>		
Chi phí lãi vay		2.958.723.716
Lãi vay nhập gốc	1.620.907.801	4.280.684.269
Trả gốc vay	7.900.000.000	1.500.000.000

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà</i>		
Vay ngắn hạn	1.296.255.544	3.160.880.992
<i>Công ty Cổ phần Simco Sông Đà</i>		
Vay ngắn hạn	2.598.203.933	8.877.296.132
Cộng nợ phải trả	<u>3.894.459.477</u>	<u>12.038.177.124</u>

2. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Khoản phải thu khách hàng của Công ty chủ yếu liên quan đến Tổng công ty Điện lực Miền Trung. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản phải thu khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.3 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	<u>Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá</u>	<u>Đã quá hạn nhưng không giảm giá</u>	<u>Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.398.595.700			2.398.595.700
Phải thu khách hàng	5.643.193.870	34.980.000		5.678.173.870
Các khoản phải thu khác	2.306.220.153			2.306.220.153
Cộng	<u>10.348.009.723</u>	<u>34.980.000</u>		<u>10.382.989.723</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮK ĐÒA

Địa chỉ: Số 138 Tôn Đức Thắng, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.971.150.149			3.971.150.149
Phải thu khách hàng	5.537.745.627	45.200.153		5.582.945.780
Các khoản phải thu khác	2.895.000.000			2.895.000.000
Cộng	12.403.895.776	45.200.153		12.449.095.929

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phát sinh dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Vay và nợ	25.676.484.645	101.184.000.000	12.662.209.016	139.522.693.661
Phải trả người bán	12.018.674.358			12.018.674.358
Các khoản phải trả khác	18.389.891.792			18.389.891.792
Cộng	56.085.050.795	101.184.000.000	12.662.209.016	169.931.259.811
Số đầu năm				
Vay và nợ	50.708.770.774	114.087.133.016		164.795.903.790
Phải trả người bán	9.639.615.301			9.639.615.301
Các khoản phải trả khác	17.682.721.890			17.682.721.890
Cộng	78.031.107.965	114.087.133.016		192.118.240.981

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là cao. Tài sản tài chính nhỏ hơn rất nhiều so với các khoản nợ đến hạn. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đang đàm phán với Ngân hàng và các bên cho vay về việc gia hạn thời gian trả nợ cho phù hợp với nguồn thu. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty chủ yếu là rủi ro lãi suất.

Phân tích về độ nhạy và các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮK ĐÒA

Địa chỉ: Số 138 Tôn Đức Thắng, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

đổi của lãi suất sử dụng để phân tích độ nhạy được đưa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Công ty sẽ giảm/tăng 155.312.724 VND (cùng kỳ năm trước giảm/tăng 2.471.925.297 VND).

Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty thế chấp tài sản để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn của công ty Cổ phần Simco Sông Đà (xem thuyết minh số V.12). Giá trị sổ sách của các tài sản tài chính thế chấp như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.398.595.700	3.971.150.149
Phải thu khách hàng	5.678.173.870	5.582.945.780
Cộng	8.076.769.570	9.554.095.929

Công ty sẽ được giải chấp các tài sản thế chấp khi đã hoàn tất nghĩa vụ trả nợ. Không có các điều khoản và điều kiện đặc biệt liên quan đến việc sử dụng các tài sản thế chấp này.

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và tại ngày 01 tháng 01 năm 2013.

3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.398.595.700		3.971.150.149		2.398.595.700	3.971.150.149
Phải thu khách hàng	5.678.173.870		5.582.945.780		5.678.173.870	5.582.945.780
Các khoản phải thu khác	2.306.220.153		2.895.000.000		2.306.220.153	2.895.000.000
Cộng	10.382.989.723		12.449.095.929		10.382.989.723	12.449.095.929

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮK ĐÒA

Địa chỉ: Số 138 Tôn Đức Thắng, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán	12.018.674.358	9.639.615.301	12.018.674.358	9.639.615.301
Vay và nợ	139.522.693.661	164.795.903.790	139.522.693.661	164.795.903.790
Các khoản phải trả khác	18.389.891.792	17.682.721.890	18.389.891.792	17.682.721.890
Cộng	169.931.259.811	192.118.240.981	169.931.259.811	192.118.240.981

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty ước tính giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này.

Lập, ngày 31 tháng 3 năm 2014

Người lập biểu

Nguyễn Thị Lệ Thanh

Kế toán trưởng

Trần Mạnh Đăng

Đông Giám đốc



Phạm Văn Hùng

